

2. Đồng chí Đoàn Duy Thành thôi giữ chức Bộ trưởng Bộ Ngoại thương để giữ chức Bộ trưởng Bộ Kinh tế đối ngoại.

Đồng chí Võ Đông Giang thôi giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế đối ngoại.

3. Đồng chí Phan Ngọc Tường giữ chức Bộ trưởng Bộ Xây dựng (mới).

Đồng chí Đỗ Quốc Sam thôi giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước

Hội đồng Nhà nước
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Chủ tịch
VŨ CHÍ CÔNG

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 27-HĐBT ngày 9-3-1988 ban hành bản Quy định về chính sách đối với kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp, xây dựng, vận tải.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Đề thể chế hóa các chủ trương mới đã nêu trong Nghị quyết Đại hội lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam và Nghị quyết Hội nghị lần thứ II Ban Chấp hành Trung ương Đảng đối với kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp, xây dựng, vận tải;

Đề giải phóng mọi lực lượng sản xuất, phát huy khả năng của mọi thành phần kinh tế, huy động khả năng của nhân dân phát triển sản xuất hàng hóa và dịch vụ sản xuất phục vụ đời sống và phục vụ xuất khẩu;

Đề phát triển kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh, kết hợp chặt chẽ kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh với kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Ban hành kèm theo Nghị định này bản Quy định về chính sách đối với kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp, xây dựng, vận tải.

Điều 2. — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 3. — Nghị định này thi hành kể từ ngày ban hành.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
Chủ tịch
PHẠM HÙNG

QUY ĐỊNH về chính sách đối với kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp, xây dựng, vận tải

(ban hành kèm theo Nghị định số 27-HĐBT ngày 9-3-1988 của Hội đồng Bộ trưởng);

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: — Nhà nước công nhận sự tồn tại và các tác dụng tích cực lâu dài của các thành phần kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh trong cơ cấu nền kinh tế quốc dân của nước ta. Nhà nước khuyến khích

các thành phần kinh tế này phát huy các mặt tích cực, hạn chế các mặt tiêu cực, đẩy mạnh sản xuất phát triển, góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế này hoạt động, phát triển trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp, xây dựng, vận tải với quy mô, ngành nghề thích hợp.

Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu, quyền thừa kế tài sản và thu nhập hợp pháp của các đơn vị kinh tế và của công dân thuộc các thành phần kinh tế này. Mọi hành vi xâm phạm các quyền đó đều bị xử lý theo pháp luật.

Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân của các đơn vị kinh tế thuộc các thành phần kinh tế này trong xã hội.

Điều 2. — Các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh là các đơn vị kinh tế tự quản như có tư liệu sản xuất và các vốn khác, tự quyết định mọi vấn đề sản xuất kinh doanh, tự chịu trách nhiệm về thu nhập, lỗ lãi. Mọi công dân Việt Nam có vốn, có tư liệu sản xuất, có kỹ thuật, chuyên môn, có sức lao động, không phải là cán bộ, công nhân viên chức Nhà nước tại chức, hoặc xã viên hợp tác xã, đều có quyền đứng ra tổ chức sản xuất kinh doanh ở các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh, theo những hình thức nói dưới đây:

1. Hộ cá thể.

— Tư liệu sản xuất và các vốn khác là sở hữu của người chủ đứng tên đăng ký kinh doanh.

— Chủ đăng ký kinh doanh phải là người lao động trực tiếp. Những người lao động khác phải là bố mẹ, vợ chồng, các con và nếu là người thân thì phải có tên trong sổ đăng ký hộ khẩu của người chủ đăng ký kinh doanh.

— Thu nhập sau khi đã đóng thuế thuộc sở hữu của chủ hộ.

2. Hộ tiểu công nghiệp (xưởng, cửa hàng...).

— Tư liệu sản xuất và các vốn khác thuộc sở hữu của chủ hộ.

— Được thuê mướn lao động theo hợp đồng thỏa thuận giữa chủ và người làm thuê.

— Chủ hộ là người lao động trực tiếp hoặc đóng vai trò chính về kỹ thuật sản xuất và tự điều hành sản xuất kinh doanh.

— Thu nhập sau khi đóng thuế và trả công cho người làm thuê thuộc sở hữu của chủ hộ.

3. Xí nghiệp tư doanh.

(Bao gồm những tổ chức sản xuất kinh doanh cùng tính chất như Công ty tư doanh, Công ty cổ phần, tổ hợp tư doanh...).

— Tư liệu sản xuất và các vốn khác thuộc sở hữu của chủ xí nghiệp.

Chủ xí nghiệp có thể là một người hoặc một nhóm người có vốn, cùng tự nguyện liên doanh.

— Được thuê mướn lao động theo hợp đồng thỏa thuận giữa chủ và người làm thuê. Những người góp cổ phần tự lựa chọn người đại diện để đăng ký kinh doanh và quản lý xí nghiệp.

— Lợi nhuận sau khi đã đóng thuế thuộc sở hữu của chủ xí nghiệp (nếu là một người) hoặc được phân chia theo vốn góp (nếu là nhiều người).

Điều 3. — Các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai có quyền ép buộc, có quyền xin tự giải thể, xin chuyển thành các đơn vị kinh tế tập thể, công tư hợp doanh, có quyền xin gia nhập các tổ chức liên kết, liên doanh với các đơn vị kinh tế quốc doanh, các đơn vị kinh tế tập thể, theo những hình thức thích hợp, theo điều lệ liên kết, liên doanh, hợp đồng kinh tế được Nhà nước công nhận.

Điều 4. — Chủ các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh phải nghiêm chỉnh chấp

hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế theo pháp luật.

Tất cả các đơn vị kinh tế này phải thực hiện chế độ kế toán, thống kê của Nhà nước, phải sử dụng sổ sách kế toán có đăng ký với cơ quan tài chính và hóa đơn do cơ quan tài chính phát hành. Bộ Tài chính và Tổng cục Thống kê quy định cụ thể chế độ kế toán, thống kê phù hợp với điều kiện của mỗi loại đơn vị kinh tế khác nhau thuộc các thành phần kinh tế này.

Điều 5. — Các cơ sở kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh phải có đăng ký kinh doanh mới được phép hoạt động, phải hoạt động đúng loại hình tổ chức, đúng ngành nghề, loại sản phẩm đã đăng ký; nếu có thay đổi phải xin điều chỉnh đăng ký kinh doanh. Người gian dối trá hình bị truy thu thuế và xử phạt theo đúng pháp luật về những tội khai man, trốn thuế. Thời hạn được đăng ký kinh doanh lần đầu không ít hơn thời gian cần thiết để cơ sở thu hồi vốn, hết hạn có thể xin đăng ký tiếp.

— Xí nghiệp tư doanh do Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương xét cấp đăng ký kinh doanh.

— Hộ tiểu công nghiệp do Ủy ban Nhân dân quận, huyện xét cấp đăng ký kinh doanh.

— Hộ cá thể do Ủy ban Nhân dân phường, xã xét cấp đăng ký kinh doanh.

Điều 6. — Tất cả các đơn vị kinh tế sản xuất sản phẩm hàng loạt phải đăng ký chất lượng sản phẩm, nhãn hiệu sản phẩm với cơ quan đo lường, kiểm tra chất lượng của địa phương và được giữ bản quyền mẫu sản phẩm đã đăng ký, có quyền phát hiện, tố cáo những kẻ làm hàng giả theo mẫu hàng của đơn vị mình với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 7. — Chính quyền các cấp có quyền giám sát các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh chấp hành pháp luật và những quy định của Nhà nước, nhưng không được can thiệp vào các hoạt động

sản xuất kinh doanh hợp pháp, không được thu thêm bất cứ một khoản nào ngoài thuế và các khoản thu khác theo luật định.

Điều 8. — Các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, sản phẩm sau đây phải tuân theo những quy định riêng:

a) Những ngành nghề, sản phẩm phải có giấy phép đặc biệt mới được sản xuất kinh doanh.

Các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh không được hoạt động kinh doanh những ngành nghề, sản phẩm có liên quan đến an ninh quốc gia, an toàn xã hội như sản xuất, chế biến thuốc nổ, thuốc độc, hóa chất độc, nha phiến, chế tạo vũ khí, các phương tiện phát sóng thông tin vô tuyến và những ngành nghề, sản phẩm Nhà nước độc quyền kinh doanh như ấn loát, xuất bản, vàng, kim cương, đá quý, rượu, thuốc lá, vận tải quá cảnh, vận tải viễn dương.

Các Bộ có liên quan ban hành các danh mục cụ thể bảo đảm thực hiện quy định này.

Trường hợp đặc biệt, ngoại lệ phải được Hội đồng Bộ trưởng hoặc cơ quan được Hội đồng Bộ trưởng ủy quyền cho phép.

b) Những ngành nghề, sản phẩm có các quy chế riêng.

Các Bộ có trách nhiệm ban hành các quy chế cụ thể về thủ tục và các điều kiện mà các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh phải chấp hành, khi hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các ngành nghề, sản phẩm liên quan đến sức khỏe của nhân dân, bảo vệ môi trường sinh thái, sử dụng hợp lý tài nguyên và những vật tư quan trọng đặc biệt của nền kinh tế quốc dân, như:

— Dược phẩm,

— Thực phẩm, nước giải khát,

— Khai thác gỗ, lâm sản, thủy sản, khoáng sản,

— Xây dựng quy mô lớn,

— Vận tải (thủy, bộ) liên tỉnh, đóng tàu,

— Sử dụng điện với công suất lớn,

— Nghề kim hoàn, nghề sửa chữa các máy thông tin điện tử,

— Sản xuất săm lốp ô-tô, săm lốp xe đạp,

— Sản xuất bếp điện, lò sưởi điện, các dụng cụ đo điện và đun nấu bằng điện,

— Sản xuất quạt điện, động cơ điện, xe đạp và phụ tùng xe đạp.

Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố có trách nhiệm ban hành những quy chế về thủ tục và các điều kiện mà các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh phải chấp hành khi hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các ngành nghề, sản phẩm có ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội theo đặc điểm của địa phương, như:

— Làm gạch, ngói nung,

— Sử dụng lò hơi trong thành phố,

— Sử dụng nguồn nước và xử lý các chất thải công nghiệp.

Phần II

CÁC CHÍNH SÁCH VỀ VẬT TƯ, TIÊU THỤ SẢN PHẨM, TÀI CHÍNH VÀ TÍN DỤNG

I. VỀ VẬT TƯ, TIÊU THỤ SẢN PHẨM

Điều 9. — Các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh có quyền liên kết hoặc tự tổ chức khai thác tận dụng mọi nguồn nguyên liệu, nhiên liệu, các dạng năng lượng sẵn có trong nước, trên cơ sở chấp hành các quy chế chuyên ngành đã ghi ở điều 8.

Khai thác và tận dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu trong nước là hướng chính để phát triển sản xuất. Nhà nước, bằng

các chính sách kinh tế, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh tìm kiếm khai thác sử dụng nguyên liệu, vật liệu trong nước để phát triển sản xuất, thay thế nguyên liệu nhập khẩu.

Điều 10. — Các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh không được buôn bán các loại vật tư do Nhà nước thống nhất quản lý và các loại vật tư do Nhà nước độc quyền kinh doanh. Đối với các loại vật tư này, Bộ Vật tư phải thông báo danh mục cụ thể và hướng dẫn thể thức cho các đơn vị này mua để sản xuất và bán lại số vật tư không cần dùng.

Điều 11. — Các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh có quyền:

— Mua vật tư và thiết bị lẻ theo giá kinh doanh và bán sản phẩm theo giá thỏa thuận với các tổ chức kinh doanh của Nhà nước (các công ty vật tư, các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, các công ty thương nghiệp quốc doanh...) theo phương thức mua vật tư, bán sản phẩm hoặc theo đơn hàng, thông qua hợp đồng kinh tế hoặc theo phương thức đấu thầu.

— Gia công, hiệp tác sản xuất với các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, và gia công cho các công ty thương nghiệp.

— Liên doanh, liên kết với nhau và với các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh để có vật tư, thiết bị phát triển sản xuất.

Điều 12. — Các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh có quyền:

— Dùng ngoại tệ thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình để hợp đồng với tổ chức xuất nhập khẩu của Nhà nước đặt mua nguyên liệu, vật tư, thiết bị từ nước ngoài.

— Nhận vật tư, thiết bị, ngoại tệ của thân nhân ở nước ngoài gửi về, không hạn chế về số lượng và được ưu đãi về chính sách thuế.

— Bán vàng cho Ngân hàng lấy ngoại tệ, hoặc ký gửi vàng vay ngoại tệ, chịu lãi để nhập khẩu vật tư, thiết bị cho sản xuất.

Điều 13. — Các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh có quyền tự do tiêu thụ các sản phẩm ngoài hợp đồng mua vật tư— bán sản phẩm, hoặc gia công với các tổ chức kinh doanh của Nhà nước và các sản phẩm tự sản xuất khác theo chính sách lưu thông hàng hóa của Nhà nước.

Điều 14. — Việc hiệp tác sản xuất, liên doanh, liên kết, mua bán vật tư, hàng hóa giữa tất cả các đơn vị kinh tế với nhau đều phải thể hiện trên hợp đồng kinh tế đúng chế độ hợp đồng do Nhà nước quy định.

II. VỀ XUẤT NHẬP KHẨU

Điều 15. — Các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh có quyền:

— Chọn tổ chức xuất nhập khẩu của Nhà nước để ủy thác xuất sản phẩm, nhập vật tư theo các điều kiện thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế, có quyền tham gia đàm phán với khách hàng trong và ngoài nước, và được hưởng quyền sử dụng ngoại tệ theo chế độ của Nhà nước.

— Bán sản phẩm, mua vật tư, hàng hóa theo hợp đồng kinh tế với tổ chức xuất nhập khẩu của Nhà nước.

— Gia công hàng xuất khẩu theo giá thỏa thuận, hoặc giá đấu thầu với tổ chức xuất nhập khẩu của Nhà nước.

Điều 16. — Các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh được chung vốn với các tổ chức kinh tế Nhà nước của Việt Nam để liên doanh với Việt kiều hoặc người nước ngoài để sản xuất, hoặc gia công hàng xuất khẩu, theo Luật Đầu tư.

III. VỀ TÀI CHÍNH, TÍN DỤNG

Điều 17. — Nhà nước cho phép các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh vay vốn trong nhân dân, bao gồm cả cán bộ, công nhân viên Nhà nước, lái do hai bên thỏa thuận, được vay ngoại tệ của thân nhân ở nước ngoài gửi qua Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, và được phép trả

khoản vay đó bằng ngoại tệ thuộc quyền sử dụng nợ pháp hoặc bằng hàng hóa, được phép xuất khẩu.

Điều 18. — Các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp, xây dựng, vận tải có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh, đầy đủ chính sách thuế công thương nghiệp của Nhà nước với những bổ sung, sửa đổi mới đã được quy định trong Pháp lệnh ngày 17-11-1987 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định số 9-HĐBT ngày 30-1-1988 của Hội đồng Bộ trưởng.

Bộ Tài chính hướng dẫn ngành thuế địa phương cách tính toán, công khai mức thuế phải nộp cho từng cơ sở sản xuất, giúp đỡ cơ sở thực hiện đúng chế độ kế toán hiện hành, chống mọi biểu hiện tiêu cực trốn thuế, lậu thuế trong tính thuế, thu thuế và gây phiền hà cho cơ sở nộp thuế.

Điều 19. — Các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh được tự chọn cơ sở Ngân hàng thuận lợi trong tỉnh, thành phố, đặc khu để mở tài khoản, nhưng cùng một thời gian chỉ được có tài khoản tại một Ngân hàng.

Các đơn vị kinh tế này đều được tạo điều kiện thuận lợi thanh toán qua Ngân hàng dưới mọi hình thức, được rút tiền mặt từ tài khoản của đơn vị ở Ngân hàng và được vay Ngân hàng để phát triển sản xuất theo các thẻ lệ tín dụng của Ngân hàng.

Phần III

CHÍNH SÁCH KHOA HỌC, KỸ THUẬT

Điều 20. — Các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh có quyền hợp đồng với các cơ quan nghiên cứu khoa học — kỹ thuật, các trường đại học, để giải quyết những vấn đề khoa học, kỹ thuật trong sản xuất. Thủ trưởng cơ quan khoa học, kỹ thuật ký hợp đồng hợp tác phải chịu trách nhiệm bảo đảm không để lộ bí mật

quốc gia và bí mật kỹ thuật chưa được phép phổ biến.

Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có trách nhiệm ban hành quy chế cụ thể và hướng dẫn thực hiện.

Điều 21. — Các sản phẩm hàng hóa có chất lượng cao, sản phẩm xuất khẩu đều được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước như các sản phẩm tương ứng của khu vực quốc doanh.

Điều 22. — Những phát minh, sáng chế không phân biệt của người thuộc thành phần kinh tế nào được đăng ký với cơ quan chức năng của Nhà nước, để được giữ bản quyền, được Nhà nước xét khen thưởng theo quy chế chung về phát minh, sáng chế và được bán các sáng chế của mình theo chế độ Nhà nước.

Điều 23. — Những người tốt nghiệp đại học, trung học chuyên nghiệp và công nhân kỹ thuật chưa được Nhà nước bố trí việc làm được khuyến khích vào làm việc trong các xí nghiệp tư doanh. Các đơn vị kinh tế tư doanh có quyền gửi người đi đào tạo hoặc bồi dưỡng học tập nâng cao trình độ trong các trường của Nhà nước, theo quy chế của Bộ Đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Điều 24. — Các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh có sản phẩm xuất khẩu có thể gửi người đi nghiên cứu thị trường và đào tạo về kỹ thuật ở nước ngoài thông qua hợp đồng và kế hoạch của đơn vị nhận ủy thác xuất nhập khẩu hoặc được phép trực tiếp của cơ quan thẩm quyền của Nhà nước và tự chịu mọi chi phí.

Phần IV

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG VÀ XÃ HỘI

Điều 25. — Các hộ tiểu công nghiệp và xí nghiệp tư doanh có quyền thuê lao động theo hợp đồng thỏa thuận giữa chủ và người làm thuê. Ở các thành phố lớn,

phải chấp hành việc tuyển và thuê lao động phù hợp với yêu cầu ưu tiên sử dụng lao động tại chỗ và chế độ đăng ký hộ khẩu của Nhà nước. Số lao động tối đa được thuê theo từng ngành nghề do Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương quy định cụ thể phù hợp với điều kiện của địa phương.

Điều 26. — Người lao động làm thuê và người chủ trong các hộ tiểu công nghiệp, xí nghiệp tư doanh hoàn toàn tự nguyện thỏa thuận với nhau về tiền công và các điều kiện lao động, bằng hợp đồng lao động.

Bộ Lao động — Thương binh và xã hội cùng với Tổng Công đoàn, Liên hiệp hợp tác xã tiêu, thủ công nghiệp Trung ương có thông tư quy định cụ thể về hợp đồng thuê mướn lao động, để bảo đảm lợi ích chính đáng của người lao động cũng như của người chủ đơn vị sản xuất kinh doanh.

Điều 27. — Các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh và mọi người lao động đều có trách nhiệm chấp hành các quy phạm kỹ thuật an toàn và các chế độ bảo hộ lao động theo quy định của Nhà nước.

Các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm kiểm tra việc tổ chức sản xuất và trang bị phòng hộ lao động để các đơn vị này bảo đảm an toàn lao động cho người lao động.

Điều 28. — Bộ Lao động — Thương binh và xã hội, Tổng Công đoàn Việt Nam nghiên cứu trình Nhà nước quy định việc lập quỹ và tổ chức bảo hiểm xã hội trên cơ sở đóng góp từ thu nhập của đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh và tiền công của bản thân người lao động trong các đơn vị kinh tế này để bảo đảm các chế độ trợ cấp hưu trí, trợ cấp nghỉ thai sản, ốm đau, mất sức lao động theo khả năng tự lực ngày càng cao của quỹ bảo hiểm này.

Người lao động thuộc tất cả các thành phần kinh tế đều được hưởng các phúc lợi công cộng của toàn dân.

Phần V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. — Những quy định này được thi hành thống nhất trong cả nước.

Mọi quy định đã có trước đây do Hội đồng Bộ trưởng hoặc Ủy ban Nhân dân các cấp ban hành trái với các quy định này đều bị bãi bỏ.

Điều 30. — Các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng [có liên quan, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương căn cứ vào quy định này, đề cụ thể hóa thành các quy chế, các chế độ thuộc phạm vi mình phụ trách và hướng dẫn thực hiện.

Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải có quy định cụ thể để vận dụng quy định này phù hợp với điều kiện và đặc điểm riêng của ngành mình.

Các cơ quan tuyên truyền có trách nhiệm phổ biến rộng rãi làm cho quần chúng hiểu đúng chủ trương, chính sách mới, và tích cực hưởng ứng.

T. M. Hội đồng Bộ trưởng
Chủ tịch
PHẠM HÙNG

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 28-HĐBT ngày 9-3-1988 ban hành bản Quy định về chính sách đối với các đơn vị kinh tế tập thể sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp, xây dựng, vận tải.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981 ;

Đề thể chế hóa các chủ trương mới đã nêu trong Nghị quyết Đại hội lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam và Nghị quyết hội nghị lần thứ II Ban Chấp hành Trung ương Đảng đối với các đơn vị kinh tế tập thể sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp, xây dựng, vận tải ;

Đề giải phóng mọi lực lượng sản xuất, huy động khả năng của nhân dân phát triển sản xuất hàng hóa, dịch vụ sản xuất phục vụ đời sống và phục vụ xuất khẩu ;

Đề phát triển kinh tế tập thể, kết hợp chặt chẽ kinh tế tập thể với kinh tế quốc doanh.

NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1. — Ban hành kèm theo Nghị định này bản Quy định về chính sách đối với các đơn vị kinh tế tập thể sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp, xây dựng, vận tải.

Điều 2. — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 3. — Nghị định này thi hành kể từ ngày ban hành.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
Chủ tịch
PHẠM HÙNG

QUY ĐỊNH về chính sách đối với các đơn vị kinh tế tập thể sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp, xây dựng, vận tải.

(ban hành kèm theo Nghị định số 28-HĐBT ngày 9-3-1988 của Hội đồng Bộ trưởng).